

Bản án số: 02/2024/LĐ-ST
Ngày: 13-6-2024
V/v "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo
hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN
GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Yến – Cán bộ hưu trí phường Đông Xuyên;
- Bà Hồ Thị Kim Liên - Nguyên Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Long Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 07/2023/TLST-LĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2024/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1994. Có mặt

Cư trú: Số C khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Đ1, Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Phương Q, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số A T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Tổng T, sinh năm 1964, Có mặt

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số A, đường R, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2023 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang chứng thực ngày 18/01/2024)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh A,

Địa chỉ: Đường số A, Khu Dân cư B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hồng T1, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy V, chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra. (Theo giấy uỷ quyền số 994/UQ-BHXH ngày 27/5/2024). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/12/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết N được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH Đ1 (Sau đây gọi tắt là Công ty), hai bên có ký kết hợp đồng lao động nhưng bà N không nhớ chính xác số, ngày, tháng của hợp đồng lao động. Trong thời gian làm việc tại Công ty, hàng tháng Công ty đều trích một phần lương của bà N để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Do Công ty thường xuyên thanh toán lương thưởng hàng tháng chậm nên ngày 01/5/2020 bà N làm đơn xin nghỉ việc và được Công ty đồng ý. Khi tiến hành làm thủ tục nghỉ việc thì Công ty không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N. Bà N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty giải quyết nhưng đến nay Công ty vẫn không thực hiện. Bà N có liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang thì được biết Công ty đã không đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020.

Việc Công ty không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty TNHH Đ1 phải thực hiện việc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020 và thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Toà án chỉ nhận được đơn cho ý kiến ngày 16/01/2024 của bà Đặng Thị Phương Q, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ1 với nội dung:

“Tôi là Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1), địa chỉ: Số A đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Công ty Đ1 được thành lập và đăng ký lần đầu vào ngày 06/4/2018 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 09/4/2018.

Vào ngày 01/4/2019, tôi có tuyển dụng và bổ nhiệm ông Phan Ngọc N1, sinh năm 1976, cư trú tại: Số E, đường N, phường H, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc điều hành Công ty, có thời hạn từ ngày 01/4/2019 cho đến hết ngày 31/3/2020 để giúp tôi điều hành Công ty Đ1.

Trong quá trình làm việc với chức danh Giám đốc điều hành, ông N1 đã tự ý ký một loạt Hợp đồng lao động với ông Trần Hoàn Thiện Đ, ông Hà Văn T2, bà Phạm Thị Thúy Q1, ông Phan Thành T3, ông Phan Ngọc S, bà Trần Thị Huyền T4, bà Nguyễn Thanh T5, bà Nguyễn Thị Tuyết N (1994), ông Trần Hoàng Thiện T6, bà Nguyễn Thị Tuyết N (1995), bà Huỳnh Thị Kim N2 và ông Nguyễn Văn P. Sự tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động này không có sự uỷ quyền của tôi.

Đến năm 2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19, Công ty Đ1 đã kinh doanh thua lỗ kéo dài, nên những người do ông N1 tuyển dụng đã tự ý nghỉ việc và sau đó Công ty Đ1 đã ngừng kinh doanh, giải tán các bộ phận chuyên môn, cơ quan Thuế cũng đã đóng mã số thuế và đã chuyển nhượng lại cho đối tác khác, hiện nay là Mishubishi VIG A. Hiện tôi là Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đ1, trụ sở tại địa chỉ: Số B, đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Công ty này không có liên quan gì về Công ty Đ1 mà các nguyên đơn đang khởi kiện.

Tôi cho rằng việc ông Phan Văn N3 tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với các nguyên đơn là chưa đúng với quy định của pháp luật lao động (Hợp đồng vô hiệu), về trách nhiệm Công ty Đ1 hiện do tôi là chủ tịch hội đồng thành viên là không liên quan đến quan hệ lao động với những người như trên.

Trên đây là sự tự khai của tôi về nội dung quan hệ tranh chấp với các nguyên đơn trong quan hệ Hợp đồng lao động và ý kiến của tôi đối với vụ án. Tôi chịu trách nhiệm với lời khai này.

Do sự việc mà tôi đã trình bày như trên, để giải quyết vụ án đầy đủ và toàn diện tôi đề nghị hoãn phiên họp hoà giải và xem xét đưa thêm người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án tham gia tố tụng là ông Phan Văn N3, sinh năm 1976, cư trú tại Số E đường N, phường H, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh A uỷ quyền cho ông Tô Thành T7, trình bày:

Công ty TNHH Đ1 (gọi tắt là Công ty) đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị Tuyết N từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020. Từ tháng 5/2020, Công ty D tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị Tuyết N. Công ty chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho cho bà Nguyễn Thị Tuyết N từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020 với tổng số tiền là 6.640.000đ (chưa bao gồm lãi chậm đóng). Sau khi Công ty nộp số tiền 6.640.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế cho Bảo hiểm xã hội tỉnh A thì Bảo hiểm xã hội tỉnh A sẽ ghi nhận quá trình đóng bảo hiểm cho bà N từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N, trình bày: Bà biết được việc Công ty TNHH Đ1 không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà vào tháng 6 năm 2023, đến tháng 10/2023 bà mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án. Lý do khi bà N nghỉ việc thì đã biết được Công ty TNHH Đ1 không đóng bảo hiểm xã hội cho bà. Nhưng đến tháng 10 năm 2023 bà N mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đã hết thời hiệu khởi kiện. Trường hợp bà N yêu cầu Công ty Đ1 trả số tiền mà hàng tháng Công ty TNHH Đ1 đã trích lương của bà N để đóng bảo hiểm xã hội nhưng Công ty TNHH Đ1 không đóng thì bà N có thể khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ1 trả số tiền này thành một vụ án khác, không liên quan đến vụ án này.

Người đại diện theo uỷ quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh A giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 47, Điều 186, khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 và khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 21, Điều 86, khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N. Buộc Công ty TNHH Đ1 phải có nghĩa vụ thực hiện việc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020 với tổng số tiền là 6.640.000đ và thực hiện thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N.

Án phí: Công ty TNHH Đ1 phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh giữa bà Nguyễn Thị Tuyết N và Công ty TNHH Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) là

tranh chấp về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty Đ1 có trụ sở tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Công ty Đ1 ủy quyền cho ông Lương Tổng T theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2023 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang chứng thực ngày 18/01/2024. Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thúy V, chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra (Theo giấy ủy quyền số 994/UQ-BHXH ngày 27/5/2024). Thủ tục ủy quyền trên phù hợp với quy định pháp luật nên ông Lương Tổng T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bà Nguyễn Thị Thúy V tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Đ1 yêu cầu Tòa án đưa ông Phan Ngọc N1, sinh năm 1976, cư trú tại số E, đường N, phường H, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, tranh chấp phát sinh giữa bà Nguyễn Thị Tuyết N và Công ty Đ1 là tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, không liên quan đến ông N1. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông N1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2.3] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Hội đồng xét xử xét:

[2.3.1] Tại phiên tòa, bà N xác nhận bà biết được việc Công ty Đ1 không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà vào tháng 6 năm 2023, đến tháng 10 năm 2023 bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

[2.3.2] Tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: “Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”.

[2.3.3] Như vậy, bà N biết được việc Công ty TNHH Đ1 không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà vào tháng 6 năm 2023 và đến tháng 10 năm 2023 bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Công ty Đ1 phải thực hiện việc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020 và thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà N theo quy định của pháp luật. Bà Đặng Thị Phương Q là

người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ1 cho rằng Công ty Đ1 không liên quan đến quan hệ lao động với bà N, do ông Phan Ngọc N1 đã tự ý tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với bà N mà không có sự uỷ quyền của bà Q.

[3.1] Bà Đặng Thị Phương Q là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Đ1 cho rằng Công ty Đ1 không liên quan đến quan hệ lao động với bà N, do ông Phan Ngọc N1 tự ý tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với bà N mà không có sự uỷ quyền của bà Q là không có cơ sở. Bởi lẽ:

[3.1.1] Sau khi ký kết hợp đồng lao động với bà N, hàng tháng Công ty Đ1 đều trả tiền lương cho bà N bằng hình thức chuyển khoản và bà N đã cung cấp cho Toà án Chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng thể hiện trong thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020 Công ty Đ1 có chuyển khoản tiền lương cho bà N.

[3.1.2] Mặt khác, tại Danh sách tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN số: 01 tháng 12 năm 2019 do Công ty Đ1 gửi cho Bảo hiểm xã hội tỉnh A có tên bà Nguyễn Thị Tuyết N, hợp đồng lao động số 38/HĐLĐ-MMPK từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2020, mã số BHXH số 8916011930, chức vụ tư vấn khách hàng, mức lương 3.970.000đ. Đồng thời, tại Biên bản không tiến hành hoà giải được ngày 18/01/2024 người đại diện theo uỷ quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh A cũng xác nhận Công ty Đ1 đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà N từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020.

[3.1.3] Ngoài ra, tại Biên bản làm việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động ngày 20/3/2023 giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh A và Công ty TNHH Đ1 thì bà Đặng Thị Phương Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ1 thừa nhận tính đến ngày 31/3/2023 Công ty Đ1 còn nợ bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang số tiền 1.585.276.274đ.

[3.1.4] Tại phiên toà, người đại diện của Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang cũng xác nhận trong số tiền 1.585.276.274đ mà Công ty Đ1 nợ bảo hiểm thì bao gồm cả số nợ bảo hiểm của bà N.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử xét: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty Đ1 và bà Nguyễn Thị Tuyết N có ký kết Hợp đồng lao động số 37/HĐLĐ-MMPK vào ngày 01 tháng 12 năm 2019 với thời hạn một năm. Đến ngày 01/5/2020 bà N làm đơn xin nghỉ việc và được Công ty Đ1 đồng ý. Khi xác lập hợp đồng lao động các bên có thỏa thuận về việc bà N được tham gia bảo hiểm bắt buộc đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Trong thời gian làm việc tại Công ty Đ1, hàng tháng Công ty Đ1 đều trích một phần lương của bà N để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Đ1 lại không thực hiện nộp tiền bảo hiểm về cơ quan Bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020 là vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động mà các bên ký kết và vi

phạm khoản 2 Điều 21 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 15 và Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N; buộc Công ty Đ1 có nghĩa vụ nộp vào quỹ bảo hiểm cho bà N tổng số tiền là 6.640.000đ và tiền lãi chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

[4] Về án phí:

[4.1] Công ty TNHH Đ1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4.2] Bà Nguyễn Thị Tuyết N thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 85, Điều 86, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 47, Điều 186, khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 17; khoản 2 Điều 21; Điều 86; khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Điều 15 và Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014; và Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội);

- Điều 50 Luật Việc làm năm 2013;

- Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với Công ty TNHH Đ1.

Buộc Công ty TNHH Đ1 có nghĩa vụ nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang các khoản gồm tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị Tuyết N từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020 với tổng số tiền là 6.640.000đ.

Công ty TNHH Đ1 còn phải chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

2. Bảo hiểm Xã hội tỉnh A có nghĩa vụ chốt Sổ Bảo hiểm và xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Tuyết N sau khi Công ty TNHH Đ1

nộp đủ các khoản nợ bảo hiểm nêu trên và tiền lãi phát sinh.

3. Về án phí: Công ty TNHH Đ1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N và Công ty TNHH Đ1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Lan